TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 19/12/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Ngọc Hà và ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân – Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Công – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn ".*

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 113/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP.TH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1977; Có mặt.

Địa chỉ: 2/4 Lê Trung K, phường 1, TP.TH, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1968; Có mặt.

Địa chỉ: 2/4 Lê Trung K, phường 1, TP.TH, tỉnh Phú Yên.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày: Chị và anh Lê Văn H kết hôn năm 2000, sau đó ly hôn, đến năm 2010 kết hôn lại, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện NH, tỉnh KH. Trong quá trình chung sống, cuộc sống ban đầu hạnh phúc, có 02 con chung tên Lê Gia Th, sinh năm 2000, Lê Gia Bảo N sinh năm 2005. Từ khoảng 3 năm nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt, quan hệ hôn nhân nặng nề không có tiếng nói chung. Hiện nay, nguyên đơn và bị đơn vẫn sống chung nhà, chị vẫn đi làm kiếm tiền nuôi

con, nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, về thực tế thì đã ly thân hoàn toàn trong 3 năm nay, cuộc sống vợ chồng không được vun đắp, yêu thương, chị không còn tình cảm với anh H. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Gia Th, sinh năm 2000, Lê Gia Bảo N sinh ngày 07/9/2005. Hiện nay, cháu T đã thành niên, tự lao động kiếm sống. Cháu N hiện nay đang học lớp 12, đã hiểu biết, cháu có nguyện vọng ở với cha thì chị tôn trọng cháu. Khi ly hôn, chị vẫn chăm sóc các con. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi chị gửi đơn đến Tòa thì đều bảo cho anh H biết, việc nuôi con cũng đã thỏa thuận anh H sẽ nuôi con, nhưng dù ai nuôi con thì anh chị cũng vẫn cùng nhau chăm sóc con cho đến khi trưởng thành. Việc tham gia tố tụng tại Tòa thì anh H nói rằng không đến, tùy Tòa giải quyết theo quy định, anh H không có ý kiến gì.

- Bị đơn Lê Văn H vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Tại Bản án HNGĐST số 113/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân TP.TH đã quyết định: Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với bị đơn Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Gia Bảo N, sinh ngày 07/9/2005 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Lê Văn H không pH cấp dưỡng nuôi con.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

- Ngày 07/10/2022 bị đơn anh Lê Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn H:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh X và bị đơn anh Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn được UBND xã Ninh Lộc, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2010 ngày 26/10/2010. Nguyên đơn chị X trình bày, anh chị kết hôn lần đầu tiên vào năm 2000 nhưng sau đó ly hôn, đến năm 2010 kết hôn lại, qúa trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ khoảng 03 năm nay, cả hai không có tiếng nói chung, tuy sống cùng nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, tình cảm vợ chồng nguội lạnh, không còn sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ với nhau. Tại Tòa cấp phúc thẩm anh H xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng có trách nhiệm chăm sóc con cái tuy nhiên chị X không đồng ý.

Sau khi xem xét ý kiến và tình trạng hôn nhân thực tế của các bên đương sự, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X, anh H đã trầm trọng, hôn nhân rạn nứt không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị X là có căn cứ, phù hợp pháp luật , anh H kháng cáo xin đoàn tụ nhưng không cung cấp chứng cứ gì khác chứng minh vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh H.

[1.2] Con chung: Chị X và anh H có 02 con chung tên Lê Gia Th, sinh năm 2000, Lê Gia Bảo N sinh ngày 07/9/2005. Cháu T đã thành niên, tự lao động kiếm sống. Đối với cháu N, qúa trình giải quyết vụ án tại Tòa sơ thẩm bị đơn anh H vắng mặt nên không có ý kiến về nguyện vọng của cháu N xin ở với cha do dó Tòa cấp sơ thẩm xét thực tế cháu N đang ở cùng cha mẹ, cùng do nguyên đơn và bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giao cháu Lê Gia Bảo N cho nguyên đơn chị X trực tiếp nuôi dưỡng và chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại Tòa cấp phúc thẩm, anh H cũng thống nhất giao cháu N cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng vì thế cần giữ nguyên án sơ thẩm về con chung.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bị đơn anh Lê Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với bị đơn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Gia Bảo N, sinh ngày 07/9/2005 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bị đơn anh Lê Văn H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tại Biên lai thu tiền số 0007690 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.TH, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- TAND TP.TH;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP.TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thái Lan